

Bản án số: 81/2023/DS-ST

Ngày: 28-4-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Hùng;

2. Ông Phạm Danh Hiếu;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945;

Địa chỉ: ấp GIC, xã LH, thị xã GC, Tỉnh Tiền Giang; (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị Lê Thị Hồng TR, sinh năm: 1988;

2.2. Anh Huỳnh Minh TH, sinh năm: 1985;

Cùng địa chỉ: ấp GIC, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào ngày 26/6/2019 chị TR là vợ của anh TH có đến vay của bà số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn trả là 03 tháng, lãi suất 2%/tháng, hai bên có làm giấy biên nhận.

Trong quá trình vay thì chị TR có trả lãi 01 tháng, anh TH trả lãi 02 tháng sau đó không trả lãi nữa. Nay bà yêu cầu bị đơn cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 17.928.000 đồng. Tổng cộng là 47.928.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Lê Thị Hồng TR và anh Huỳnh Minh TH vắng mặt không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Long Hòa, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào các Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà N có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh TH, chị TR vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Bà Nói khởi kiện yêu cầu chị TR, ông TH phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ vay 30.000.000 đồng và tiền lãi là 17.928.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp giấy biên nhận do chị TR, anh TH ký tên. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện qua biên nhận ngày 26/6/2019 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong biên nhận thể hiện vào ngày 26/6/2019 vợ chồng chị TR có vay của bà số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả là 03 tháng, lãi suất 2%/tháng, hai bên có làm giấy biên nhận. Trong quá trình vay thì chị TR có trả lãi 01 tháng, anh TH trả lãi 02 tháng thì ngưng.

Bị đơn chị TR, anh TH đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh, chị vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy chị TR, anh TH đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Xét thấy số tiền trên chị TR, anh TH vay đã lâu, khi vay có quy định thời gian trả vốn nhưng chị TR, anh TH đã không trả tiền cho bà Nói đúng quy định, đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do bị đơn là người có lỗi nên bà N yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vốn 30.000.000 đồng là có cơ sở.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, mặc dù tại đơn khởi kiện bà N có yêu cầu Tòa án giải quyết tính lãi suất từ tháng 10/2019 đến tháng 10/2022 với số tiền

17.928.000 đồng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có văn bản xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn. Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà N.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nói là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc chị Lê Thị Hồng TR và anh Huỳnh Minh TH có nghĩa vụ trả cho bà N tổng cộng 30.000.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất với số tiền 17.928.000 đồng của bà N.

3. Về án phí:

- Buộc chị Lê Thị Hồng TR và anh Huỳnh Minh TH phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thừa